

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội tháng 10 và 10 tháng năm 2025

Tháng 10/2025, trong bối cảnh tình hình quốc tế, trong nước còn nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt thiên tai diễn biến rất phức tạp, bất thường và có xu hướng cực đoan hơn so với trung bình nhiều năm; tuy nhiên, tỉnh Quảng Trị đã cố gắng vượt qua các khó khăn, tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được, tranh thủ các thời cơ phát triển, thúc đẩy các động lực tăng trưởng, quyết tâm nỗ lực, phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2025. Kết quả đạt được trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội trong tháng 10 và 10 tháng năm 2025 như sau:

I. KINH TẾ

1. Nông, lâm nghiệp và thủy sản

a) Nông nghiệp

- Trồng trọt

* Sơ bộ kết quả sản xuất vụ Hè Thu

Triển khai sản xuất vụ Hè Thu năm nay thời tiết đầu vụ bất lợi do gặp mưa lớn đợt cuối tháng 5, những vùng trũng lúa bị ngập ngâm lâu ngày phải gieo lại, riêng lúa tái sinh có 3.734 ha bị ngập nặng ngâm nước lâu ngày thối gốc không khắc phục được nên mất trắng. Các loại cây trồng khác chủ yếu ở vùng cao không bị ảnh hưởng nên năng suất vẫn đảm bảo, một số cây tăng so với cùng kỳ năm trước. Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm thực hiện 77.652,3 ha, giảm 0,8% so với vụ Hè Thu năm trước.

Diện tích, năng suất, sản lượng một số cây trồng chủ yếu vụ Hè Thu như sau:

- *Cây lúa*: Diện tích lúa toàn tỉnh thực hiện 46.482,1 ha, giảm 0,8%; sơ bộ năng suất bình quân đạt 45,56 tạ/ha, giảm 11,6%; theo đó, sơ bộ sản lượng toàn vụ đạt 211.753,8 tấn, giảm 12,3% so với vụ Hè Thu năm trước. Nguyên nhân giảm do cuối tháng 9 tình hình mưa, bão diễn biến phức tạp nên người dân tập trung thu hoạch sớm hết diện tích lúa Hè Thu với diện tích 42.748,1 ha và có 3.734 ha lúa bị mất trắng.

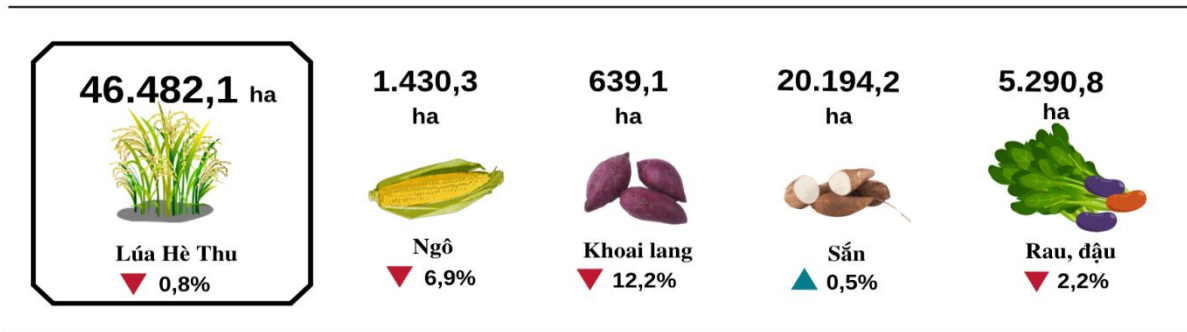
- Các loại cây trồng khác:

Diện tích: Cây ngô thực hiện 1.430,3 ha, giảm 6,9%; khoai lang 639,1 ha, giảm 12,2%; sắn 20.194,2 ha, tăng 0,5%; lạc 544,2 ha, giảm 8,9%; rau các loại 3.557,3 ha, giảm 2,3%; đậu đỗ các loại 1.733,5 ha, giảm 2,1% so với vụ Hè Thu năm trước.

Năng suất: Cây ngô ước đạt 34,77 tạ/ha, tăng 1,9%; khoai lang đạt 65,21 tạ/ha, tăng 0,1%; sắn đạt 163,68 tạ/ha, tăng 0,1%; lạc đạt 19,27 tạ/ha, tăng 1,3%; rau các loại đạt 101,10 tạ/ha, tăng 0,2%; đậu các loại đạt 10,41 tạ/ha, tăng 3,2% so với vụ Hè Thu năm trước.

Sản lượng: Cây ngô 4.973,4 tấn, giảm 5,1%; khoai lang 4.167,5 tấn, giảm 12,1%; sắn 330.535,8 tấn, tăng 0,6%; lạc 1.048,5 tấn, giảm 7,8%; rau các loại 35.964,5 tấn, giảm 2,1%; đậu các loại 1.804,4 tấn, tăng 0,9% so với vụ Hè Thu năm trước.

Hình 1. Diện tích gieo trồng cây hàng năm vụ Hè Thu 2025



*** Ước tính kết quả sản xuất vụ Mùa**

Ước tính diện tích gieo trồng lúa vụ Mùa năm 2025 toàn tỉnh thực hiện 1.556,8 ha, giảm 7,0% so với vụ Mùa năm trước. Nguyên nhân giảm chủ yếu là do diện tích lúa rẫy tiếp tục thu hẹp vì năng suất thấp, quỹ đất hạn chế và xu hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Ở nhiều nơi trong tỉnh, việc trồng lúa rẫy chỉ còn mang tính phong tục, nhằm duy trì và lưu giữ nguồn giống truyền thống. Bên cạnh đó, một số hộ dân có đất bạc màu, điều kiện canh tác khó khăn và lợi nhuận thấp đã chuyển sang trồng các loại cây khác như chuối, cao su hoặc tham gia trồng rừng tập trung để nâng cao hiệu quả kinh tế.

*** Sản xuất vụ Đông Xuân 2025 - 2026**

Hiện nay, các địa phương trong tỉnh đang khẩn trương thu hoạch dứt điểm các loại cây trồng vụ Hè Thu và vụ Mùa để chuẩn bị cho sản xuất vụ Đông Xuân 2025 - 2026. Dự kiến trong tháng 11, các địa phương sẽ tiến hành chuẩn bị làm đất và gieo trồng các loại rau màu vụ Đông Xuân nhằm đảm bảo khung lịch thời vụ sản xuất.

- Chăn nuôi

Sản xuất chăn nuôi 10 tháng năm 2025 có nhiều biến động do ảnh hưởng của dịch bệnh trên đàn lợn, đặc biệt là trong những tháng đầu quý III. Từ giữa tháng 9 đến nay dịch bệnh được kiểm soát tốt hơn, tình hình tiêu thụ thuận lợi hơn nên người chăn nuôi, đặc biệt là các trang trại đã tái đàn trở lại, do đó dự kiến tổng đàn sẽ tăng trong thời gian tới.

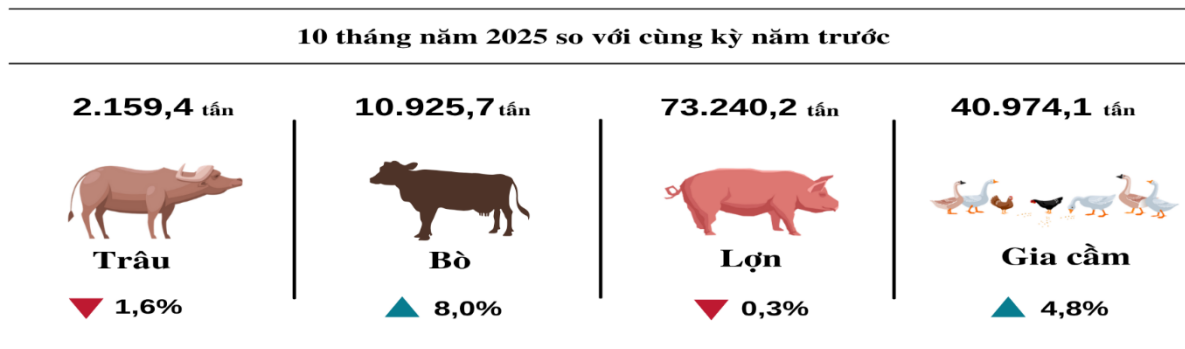
Số lượng đàn ước tính đến 30/10/2025: Đàn trâu 50.003 con, giảm 2,6%; đàn bò 151.060 con, tăng 1,6%; đàn lợn (không tính lợn con chưa tách mẹ)

456.130 con, giảm 7,1%; đàn gia cầm 10.079,5 ngàn con, tăng 3,9% so với cùng kỳ năm trước.

Ước tính sản lượng thịt hơi xuất chuồng tháng 10 đạt 11.573,9 tấn, tăng 0,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Thịt trâu 186,4 tấn, giảm 0,1%; thịt bò 1.193 tấn, tăng 8,4%; thịt lợn 6.252 tấn, giảm 4,3%; thịt gia cầm 3.942,5 tấn, tăng 6,4% (trong đó: Thịt gà 2.893,5 tấn, tăng 7,2%) so với cùng kỳ năm trước.

Ước tính sản lượng thịt hơi xuất chuồng 10 tháng đạt 127.299,4 tấn, tăng 1,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Thịt trâu 2.159,4 tấn, giảm 1,6%; thịt bò 10.925,7 tấn, tăng 8,0%; thịt lợn 73.240,2 tấn, giảm 0,3%; thịt gia cầm 40.974,1 tấn, tăng 4,8% (trong đó: Thịt gà 30.855,8 tấn, tăng 5,5%) so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân tăng là do giá cả và đầu ra của sản phẩm thịt gia cầm hiện nay tương đối ổn định. Bên cạnh đó, tâm lý e ngại dịch bệnh trên đàn lợn khiến người tiêu dùng chuyển sang sử dụng thịt gia cầm nhiều hơn, vì vậy các hộ chăn nuôi mở rộng quy mô chăn nuôi gia cầm để đáp ứng nhu cầu thị trường.

Hình 2. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng



Tình hình dịch bệnh gia súc, gia cầm:

- Bệnh dịch tả lợn châu Phi: Tính đến ngày 21/10/2025, dịch bệnh đã xảy ra ở 11.590 hộ/711 thôn/64 xã, làm 99.396 con lợn buộc tiêu hủy với trọng lượng 6.217.740 kg. Hiện còn 37/64 xã/phường có dịch chưa qua 21 ngày và 27/64 xã đã qua 21 ngày.

- Bệnh viêm da nổi cục trên trâu, bò: Tính đến ngày 21/10/2025, có 5 con bò/4 hộ/2 thôn mắc bệnh, trong đó có 3 con bò chết với trọng lượng 430 kg, 2 con đã lành về triệu chứng. Hiện ổ dịch đã qua 21 ngày và địa phương đã tổ chức công bố hết dịch theo quy định¹.

b) Lâm nghiệp

Tháng 10 năm nay bước vào mùa mưa, lũ sớm hơn so với cùng kỳ năm trước nên diện tích rừng trồng mới thấp hơn cùng kỳ. Diện tích rừng trồng tháng 10 ước đạt 2.380,0 ha, giảm 0,1%; lũy kế 10 tháng ước đạt 17.677,7 ha, tăng 3,4% so với cùng kỳ năm trước. Các đơn vị có hoạt động lâm nghiệp trên địa bàn đã chú trọng đưa kỹ thuật tiên tiến áp dụng trong việc trồng và chăm sóc. Vì vậy, hầu hết diện tích rừng trồng trên địa bàn sinh trưởng, phát triển nhanh qua các năm, độ che phủ đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn.

¹ Nguồn: Báo cáo số 407/BC-CNTY ngày 23/10/2025 của Chi cục Chăn nuôi và Thú y

Sản lượng gỗ khai thác tháng 10 ước đạt 194.944,0 m³, giảm 1,4%; lũy kế 10 tháng ước đạt 1.926.063,0 m³, tăng 16,9% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng gỗ khai thác tăng chủ yếu là rừng sản xuất, do một số diện tích rừng trồng đã đến kỳ khai thác, nhu cầu sử dụng gỗ nguyên liệu tăng cao phục vụ sản xuất, xây dựng.

Từ đầu tháng 10 đến nay, trên địa bàn tỉnh chưa xảy ra cháy rừng. Lũy kế 10 tháng năm 2025, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 5 vụ cháy rừng, diện tích rừng bị cháy 9,5 ha; 4 vụ vi phạm rừng và diện tích rừng bị phá 0,8 ha.

Công tác bảo vệ rừng luôn được các cấp, các ngành quan tâm và triển khai kịp thời. Các hoạt động tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức bảo vệ rừng cho người dân vùng có rừng được thực hiện thường xuyên, tổ chức tập huấn công tác phòng chống cháy rừng cho các chủ rừng, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nhằm ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi phá rừng trái phép.

c) Thủy sản

Tháng 10, thời tiết diễn biến bất thường ảnh hưởng đến sản xuất thủy sản nên ngư dân đã tranh thủ những lúc thời tiết thuận lợi tăng cường vươn khơi bám biển. Các hộ nuôi trồng thủy sản tích cực gia cố bờ bao, tiếp tục chăm sóc, khẩn trương thu hoạch.

Sản lượng thủy sản tháng 10 ước đạt 8.608,0 tấn, tăng 2,0% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Cá 6.501,9 tấn, tăng 1,8%; tôm 612,0 tấn, tăng 2,0%; thủy sản khác 1.494,1 tấn, tăng 3,0% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 3. Sản lượng thủy sản

10 tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm trước



Sản lượng thủy sản 10 tháng ước đạt 122.827,2 tấn, tăng 1,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Cá 98.799,6 tấn, tăng 1,8%; tôm 8.845,7 tấn, giảm 1,4%; thủy sản khác 15.181,9 tấn, giảm 0,7% so với cùng kỳ năm trước.

- Khai thác

Tình hình khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh trong tháng 10 có mức tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, những ngày cuối tháng 10, trên địa bàn tỉnh có bão, mưa lớn, lũ lụt nên sản lượng khai thác thủy sản tăng thấp so với các tháng trước.

Sản lượng khai thác tháng 10 ước đạt 7.319,7 tấn, tăng 2,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Cá các loại 5.680,4 tấn, tăng 1,9%; tôm các loại 203,2 tấn, tăng 0,8%; thủy sản khác 1.436,1 tấn, tăng 3,1% so với cùng kỳ năm trước.

Sản lượng khai thác 10 ước đạt 103.151,7 tấn, tăng 1,8% so với cùng kỳ năm trước. Chia ra: Cá các loại 86.703,6 tấn, tăng 2,3%; tôm các loại 1.856,8 tấn, tăng 0,7%; thủy sản khác 14.591,3 tấn, giảm 0,4% so với cùng kỳ năm trước.

Hiện nay, khu vực miền Trung đang bước vào mùa mưa, bão. Để chủ động ứng phó với diễn biến phức tạp của thời tiết, tỉnh Quảng Trị đã tăng cường công tác giám sát, kiên quyết không cho tàu thuyền ra khơi trong thời gian cấm biển. Đồng thời, các cơ quan chức năng hướng dẫn và sắp xếp tàu thuyền neo đậu, tránh trú bão an toàn, đúng quy định.

- Nuôi trồng

Cuối tháng 9, do ảnh hưởng của bão số 10 nên ở những vùng trũng thấp người dân đã chủ động thu hoạch sớm. Tuy nhiên, vẫn còn một số diện tích ao hồ bị ngập do mưa lớn làm ảnh hưởng đến tiến độ thu hoạch sản lượng thủy sản.

Ước tính sản lượng nuôi trồng tháng 10 đạt 1.288,3 tấn, tăng 1,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Cá các loại 821,5 tấn, tăng 1,1%; tôm các loại 408,8 tấn, tăng 2,6%; thủy sản khác 58,0 tấn, tăng 0,5% so với cùng kỳ năm trước.

Ước tính sản lượng nuôi trồng 10 tháng đạt 19.675,5 tấn, giảm 1,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Cá các loại 12.096,0 tấn, giảm 1,5%; tôm các loại 6.988,9 tấn, giảm 1,9%; thủy sản khác 590,6 tấn, giảm 7,1% so với cùng kỳ năm trước.

Nhằm chủ động ứng phó với mưa bão trong những tháng tới, các hộ nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh đã tích cực gia cố hồ, ao nuôi và đẩy nhanh tiến độ thu hoạch, hạn chế tối đa thiệt hại khi thiên tai xảy ra.

2. Công nghiệp

Tháng 10, sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ổn định. Trong tháng, nguồn nguyên liệu tinh bột sắn đã đi vào chính vụ nên ngành sản xuất chế biến thực phẩm tăng cao so với tháng trước. Các dự án thủy điện đạt sản lượng cao nhờ điều kiện thủy văn thuận lợi. Lượng nước về các hồ chứa lớn cho phép các tổ máy vận hành ổn định với công suất cao. Tuy nhiên, một số dự án điện gió đạt sản lượng thấp do thời tiết không thuận lợi, tốc độ gió thay đổi đột ngột không đạt mức tối ưu, một số dự án ngừng để bảo trì, bảo dưỡng đã tác động đến tăng trưởng của ngành công nghiệp.

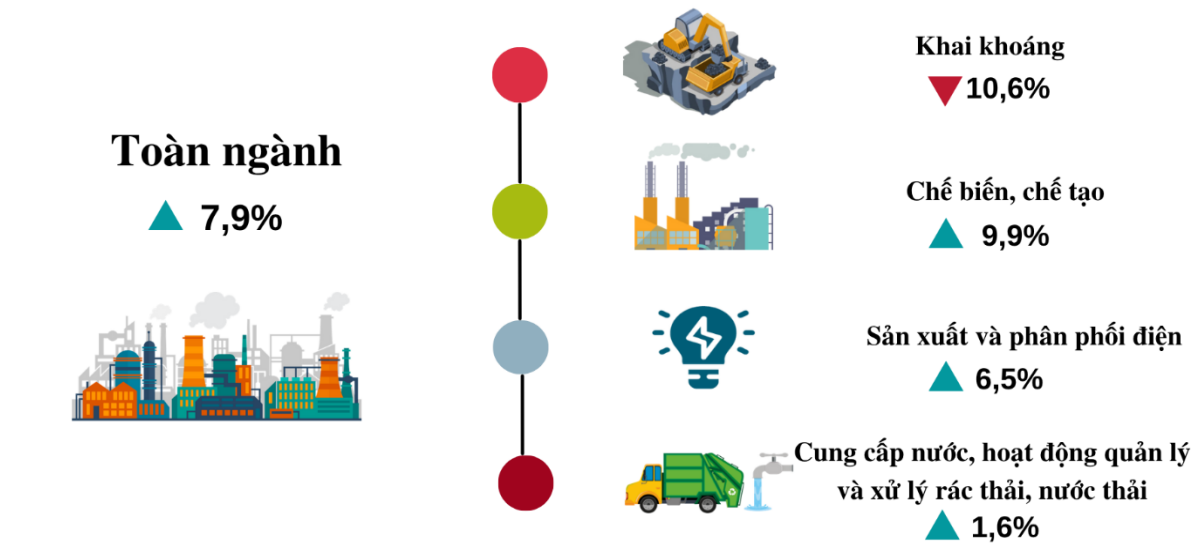
Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 10 ước tính tăng 2,6% so với tháng trước và tăng 11,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành khai khoáng tăng 6,5%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 15,3%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 1,9%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,1% so với cùng kỳ năm trước.

Ước tính 10 tháng, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tăng 7,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành khai khoáng giảm 10,6%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,9%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 6,5%;

ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 1,6% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 4. Chỉ số sản xuất công nghiệp

10 tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm trước



Trong ngành công nghiệp cấp 2, một số ngành có chỉ số sản xuất 10 tháng tăng cao so với cùng kỳ năm trước như: Khai khoáng khác tăng 16,1%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa tăng 14,0%; in, sao chép bản in các loại tăng 12,1%; sản xuất chế biến thực phẩm tăng 11,5%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 11,3%; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị tăng 9,8%; sản xuất sản phẩm từ phi kim loại đúc sẵn tăng 9,7%. Một số ngành cấp 2 giảm so với cùng kỳ năm trước: Sản xuất da và các sản phẩm liên quan giảm 5,5%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất giảm 3,2%; khai thác quặng kim loại giảm 43,5% (ngành khai thác quặng kim loại giảm mạnh chủ yếu do một số mỏ khai thác thời gian dài bắt đầu cạn kiệt, hàm lượng kim loại trong quặng thấp, khiến chi phí khai thác tăng cao không còn hiệu quả kinh tế nên doanh nghiệp tạm dừng khai thác. Bên cạnh đó, một số doanh nghiệp tồn kho cao, chưa tiêu thụ hết nên giảm sản lượng khai thác).

Sản lượng sản xuất một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu 10 tháng tăng so với cùng kỳ năm trước như: đá xây dựng đạt 2.360.197 m³, tăng 10,8%; cao lanh đạt 95.814 tấn, tăng 52,0%; thủy hải sản chế biến các loại đạt 30.760 tấn, tăng 4,8%; tinh bột sắn đạt 82.019 tấn, tăng 6,2%; áo sơ mi đạt 11.172 nghìn cái, tăng 13,8%; dăm gỗ đạt 761.112 tấn, tăng 14,6%; ván ép từ gỗ đạt 247.444 m³, tăng 13,7%; viên gỗ đạt 38.601 tấn, tăng 82,9%; Clinker thành phẩm đạt 2.426.045 tấn, tăng 10,3%; thủy điện đạt 632 triệu kWh, tăng 11,7%;... Một số sản phẩm sản xuất 10 tháng năm 2025 giảm so với cùng kỳ năm trước như: Quặng ilmenite đạt 10.500 tấn, giảm 43,9%; quặng titan đạt 21.884 tấn, giảm 45,0%; nước khoáng có ga đạt 1.461 nghìn lít, giảm 13,2%; cao su tổng hợp đạt 1.055 tấn, giảm 25,4%; điện mặt trời đạt 259 triệu kWh, giảm 2,4%.

3. Vốn đầu tư

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý trong tháng 10 tiếp tục tăng cao so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân tăng do kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 được giao và phân bổ cao hơn so với năm 2024. Cùng với đó, các địa phương tập trung đẩy mạnh tiến độ thực hiện, giải ngân nhằm hoàn thành kế hoạch năm; nhiều dự án hạ tầng giao thông, dân dụng, nông thôn mới và phòng chống thiên tai bước vào giai đoạn thi công cao điểm, khối lượng thực hiện tăng mạnh.

Ngoài ra, một số dự án vướng mắc về mặt bằng, thủ tục đầu tư ở các tháng trước đã được tháo gỡ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đẩy nhanh tiến độ thi công và thanh toán khối lượng. Bên cạnh đó, việc bổ sung, điều chỉnh kế hoạch vốn trong quý III cùng với sự chỉ đạo quyết liệt của các cấp chính quyền đã góp phần thúc đẩy giải ngân, làm giá trị vốn thực hiện tăng cao so với cùng kỳ năm trước.

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý trong tháng 10 ước đạt 1.237,2 tỷ đồng, tăng 1,3% so với tháng trước và tăng 62,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh đạt 1.192,5 tỷ đồng, tăng 70,9%; vốn ngân sách nhà nước cấp xã đạt 44,7 tỷ đồng, giảm 29,4% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 10 tháng, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý ước đạt 7.809,1 tỷ đồng, tăng 33,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh đạt 7.451,8 tỷ đồng, tăng 39,4%; vốn ngân sách nhà nước cấp xã đạt 357,3 tỷ đồng, giảm 28,9% so với cùng kỳ năm trước.

Một số dự án trọng điểm đang được triển khai trên địa bàn tỉnh như: Dự án thành phần 1 - Đường ven biển thuộc dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3; Dự án thành phần 1 - Đầu tư xây dựng Quốc lộ 12A đoạn tránh thị xã Ba Đồn; Đường và cầu vượt đường sắt trung tâm thành phố Đồng Hới; Dự án đường và kè nối từ cầu Nhật Lệ 2 đến Khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão và hậu cần nghề cá (phía Nam cầu Nhật Lệ 3); Dự án khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Bắc sông Gianh; Dự án đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu kinh tế Hòn La; Dự án nâng cấp tuyến đường tỉnh 562; Dự án tuyến đường Phú Hải - Lương Ninh; Dự án đường tránh phía Đông thành phố Đông Hà (đoạn từ nút giao đường Nguyễn Hoàng đến Nam cầu sông Hiếu); Dự án đường nối Khu công nghiệp Đông Nam Quảng Trị đến cảng Cửa Việt (Đường trung tâm trục dọc Khu kinh tế Đông Nam tỉnh Quảng Trị); Dự án san nền và hạ tầng kỹ thuật thiết yếu tại Khu vực Trung tâm Cửa khẩu quốc tế La Lay (Giai đoạn 2); Dự án kè chống xói lở khẩn cấp bờ biển đoạn từ xã Gio Hải đến thị trấn Cửa Việt; Dự án đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở dự án thành phần tại tỉnh Quảng Trị; Dự án tuyến đường bộ ven biển đoạn tuyến qua khu vực cầu Cửa Tùng và Cửa Việt; Dự án tuyến đường kết nối Cảng hàng không Quảng Trị; Dự án đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây.

4. Thương mại, dịch vụ

a) Tổng mức bán lẻ hàng hóa

Tổng mức bán lẻ hàng hóa tháng 10 giảm nhẹ so với tháng trước do bước vào mùa mưa bão, nhu cầu đi lại, tham quan du lịch của người dân giảm đã tác động đến một phần giảm của tổng mức bán lẻ; nhưng so với cùng kỳ năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa tăng 15,4%, cho thấy hoạt động thương mại, dịch vụ duy trì đà tăng trưởng tích cực. Trong tháng, nguồn cung hàng hóa ổn định, một số mặt hàng giảm nhẹ do yếu tố mùa vụ. Doanh nghiệp thương mại tiếp tục triển khai chương trình khuyến mãi, kích cầu tiêu dùng nội địa, thị trường bán lẻ nhìn chung vận hành ổn định, đáp ứng tốt nhu cầu của người dân, góp phần tích cực vào tăng trưởng kinh tế chung của địa phương trong những tháng cuối năm.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa tháng 10 ước giảm 0,1% so với tháng trước và tăng 15,4% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu các nhóm hàng hóa tăng so với tháng trước và tăng cao so với cùng kỳ, cụ thể: Nhóm may mặc ước tăng 0,5% so với tháng trước và tăng 19,4% so với cùng kỳ; nhóm xăng dầu các loại ước tăng 1,0% so với tháng trước và tăng 18,9% so với cùng kỳ; nhóm nhiên liệu khác ước tăng 1,1% so với tháng trước và tăng 4,3% so với cùng kỳ; nhóm đá quý, kim loại quý ước tăng 3,8% so với tháng trước và tăng 17,5% so với cùng kỳ; nhóm hàng hóa khác ước tăng 2,7% so với tháng trước và tăng 18,5% so với cùng kỳ; nhóm sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác ước tăng 2,5% so với tháng trước và tăng 11,1% so với cùng kỳ.

Bên cạnh đó, nhóm hàng hóa có doanh thu giảm so với tháng trước đó là: Nhóm lương thực, thực phẩm ước giảm 0,1% so với tháng trước và tăng 12,7% so với cùng kỳ; nhóm đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình ước giảm 1,0% so với tháng trước và tăng 12,6% so với cùng kỳ; nhóm vật phẩm văn hóa, giáo dục ước giảm 0,7% so với tháng trước và tăng 12,5% so với cùng kỳ; nhóm gỗ và vật liệu xây dựng ước giảm 1,1% so với tháng trước và tăng 19,1% so với cùng kỳ; nhóm ô tô các loại ước giảm 1,1% so với tháng trước và tăng 15,0% so với cùng kỳ; nhóm phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng) ước giảm 1,0% so với tháng trước và tăng 16,2% so với cùng kỳ.

Hình 5. Tổng mức bán lẻ hàng hóa

10 tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm trước



Tính chung 10 tháng, tổng mức bán lẻ hàng hóa ước tính tăng 12,4% so với cùng kỳ, trong đó các nhóm ngành đều tăng cao so với cùng kỳ. Chiếm tỷ trọng lớn và tăng cao là nhóm lương thực, thực phẩm ước tăng 13,3% so với cùng kỳ, đóng góp tăng cao nhất 5,0 điểm phần trăm trong tổng số tăng chung của tổng mức bán lẻ hàng hóa.

b) Lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành

Trong tháng 10, thời tiết chuyển sang mùa mưa, bão đã ảnh hưởng đến hoạt động du lịch trên địa bàn. Nhu cầu tham quan, nghỉ dưỡng của người dân và du khách giảm, đặc biệt là đối với các Tour du lịch lữ hành, khiến lượng khách lưu trú tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch giảm so với tháng trước.

- Dịch vụ lưu trú:

Doanh thu dịch vụ lưu trú tháng 10 ước giảm 8,2% so với tháng trước và tăng 19,6% so với cùng kỳ; tính chung 10 tháng tăng 17,3% so với cùng kỳ.

Số lượt khách lưu trú tháng 10 ước giảm 7,6% so với tháng trước và tăng 20,0% so với cùng kỳ; tính chung 10 tháng tăng 15,6% so với cùng kỳ.

Ngày khách tháng 10 ước giảm 6,8% so với tháng trước và tăng 20,9% so với cùng kỳ; tính chung 10 tháng tăng 17,0% so với cùng kỳ.

- Dịch vụ ăn uống:

Doanh thu dịch vụ ăn uống tháng 10 ước giảm 5,4% so với tháng trước và tăng 19,1% so với cùng kỳ; tính chung 10 tháng tăng 16,1% so với cùng kỳ.

Hình 6. Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống

10 tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm trước



Dịch vụ lưu trú

▲ 17,3%



Dịch vụ ăn uống

▲ 16,1%

- Du lịch lữ hành:

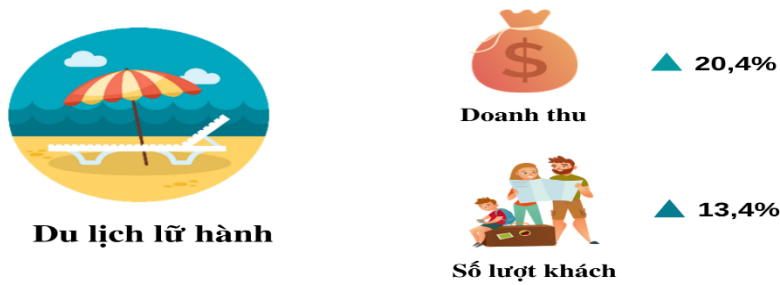
Doanh thu hoạt động lữ hành tháng 10 ước giảm 15,2% so với tháng trước và tăng 10,2% so với cùng kỳ; tính chung 10 tháng tăng 20,4% so với cùng kỳ.

Số lượt khách du lịch lữ hành tháng 10 ước giảm 18,6% so với tháng trước và tăng 23,1% so với cùng kỳ; tính chung 10 tháng tăng 13,4% so với cùng kỳ.

Số ngày khách du lịch lữ hành tháng 10 ước giảm 18,6% so với tháng trước và tăng 21,3% so với cùng kỳ; tính chung 10 tháng tăng 12,4% so với cùng kỳ.

Hình 7. Du lịch lữ hành

10 tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm trước



c) Các ngành kinh doanh dịch vụ

Các hoạt động thương mại, du lịch giảm kéo theo nhu cầu sử dụng các dịch vụ vui chơi, giải trí, lao động thời vụ,... giảm, do đó doanh thu các ngành kinh doanh dịch vụ tháng 10 giảm so với tháng trước.

Ước tính doanh thu hoạt động dịch vụ khác tháng 10 giảm 0,1% so với tháng trước và tăng 20,0% so với cùng kỳ. Cụ thể các nhóm ngành dịch vụ như sau: Nhóm dịch vụ kinh doanh bất động sản ước tăng 1,2% so với tháng trước và tăng 22,0% so với cùng kỳ; nhóm dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ ước giảm 2,1% so với tháng trước và tăng 29,8% so với cùng kỳ; nhóm dịch vụ giáo dục và đào tạo ước tăng 0,7% so với tháng trước và tăng 9,4% so với cùng kỳ; nhóm dịch vụ y tế và hoạt động trợ giúp xã hội ước tăng 1,5% so với tháng trước và tăng 13,6% so với cùng kỳ; nhóm dịch vụ nghệ thuật, vui chơi, giải trí ước giảm 0,5% so với tháng trước và tăng 11,4% so với cùng kỳ; nhóm dịch vụ sửa chữa máy vi tính, đồ dùng cá nhân và gia đình ước giảm 2,6% so với tháng trước và tăng 36,0% so với cùng kỳ; dịch vụ cá nhân khác ước tăng 1,8% so với tháng trước và tăng 16,8% so với cùng kỳ.

Tính chung 10 tháng, doanh thu các ngành kinh doanh dịch vụ tăng 14,5% so với cùng kỳ. Trong đó, các nhóm dịch vụ tăng cao, cụ thể: Nhóm dịch vụ kinh doanh bất động sản tăng 19,5%, đóng góp tăng 2,7 điểm phần trăm; nhóm dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ tăng 21,1%, đóng góp tăng 3,0 điểm phần trăm; nhóm dịch vụ nghệ thuật, vui chơi, giải trí tăng 2,7%, đóng góp tăng 3,0 điểm phần trăm; nhóm dịch vụ khác tăng 14,7%, đóng góp tăng 3,1 điểm phần trăm trong tổng số tăng chung của nhóm các ngành kinh doanh dịch vụ.

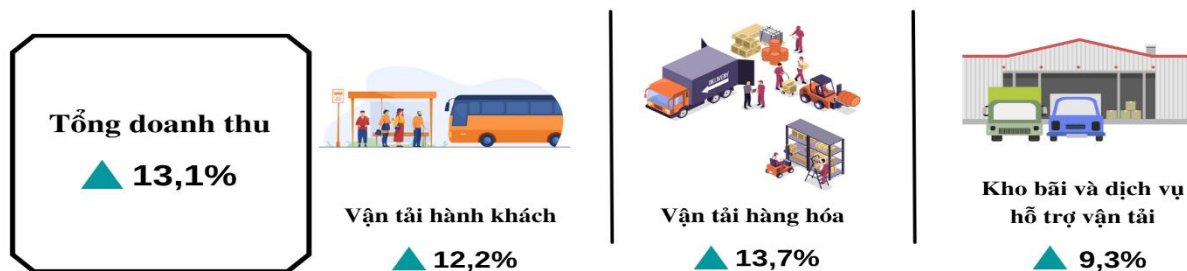
d) Vận tải

Tháng 10, thời tiết chuyển sang mùa mưa, bão nên nhu cầu đi lại cũng như vận chuyển hàng hóa của người dân giảm, lượng khách du lịch nội địa giảm đã làm doanh thu vận tải hành khách giảm so với tháng trước; bên cạnh đó, các công trình xây dựng có phần gián đoạn thi công do trời mưa, nhu cầu vận chuyển nguyên vật liệu giảm nên dẫn đến doanh thu vận tải hàng hóa giảm. Tính chung 10 tháng, doanh thu vận tải hành khách và hàng hóa đều tăng cao so với cùng kỳ năm trước, điều này cho thấy sự tăng trưởng tích cực của ngành vận tải trong tình hình tăng chung của nền kinh tế.

Doanh thu vận tải, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải và bưu chính, chuyển phát tháng 10 ước tính giảm 0,5% so với tháng trước và tăng 14,5% so với cùng kỳ. Tính chung 10 tháng, tổng doanh thu vận tải, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải và bưu chính, chuyển phát tăng 13,1%, trong đó: Vận tải hành khách tăng 12,2%; vận tải hàng hóa tăng 13,7%; dịch vụ hỗ trợ vận tải và bưu chính, chuyển phát tăng 9,3% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 8. Doanh thu hoạt động vận tải

10 tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm trước



* Vận tải hành khách

Tháng 10, số lượt hành khách vận chuyển ước tính giảm 0,6% so với tháng trước và tăng 15,5% so với cùng kỳ; số lượt hành khách luân chuyển ước tính giảm 0,5% so với tháng trước và tăng 15,6% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 10 tháng, số lượt hành khách vận chuyển tăng 12,2%; số lượt hành khách luân chuyển tăng 12,2% so với cùng kỳ năm trước.

* Vận tải hàng hóa

Tháng 10, khối lượng hàng hóa vận chuyển ước tính giảm 0,4% so với tháng trước và tăng 14,9% so với cùng kỳ; khối lượng hàng hóa luân chuyển ước tính giảm 0,4% so với tháng trước và tăng 14,8% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 10 tháng, khối lượng hàng hóa vận chuyển tăng 13,7% so với cùng kỳ; khối lượng hàng hóa luân chuyển tăng 18,0% so với cùng kỳ năm trước.

e) Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá đô la Mỹ

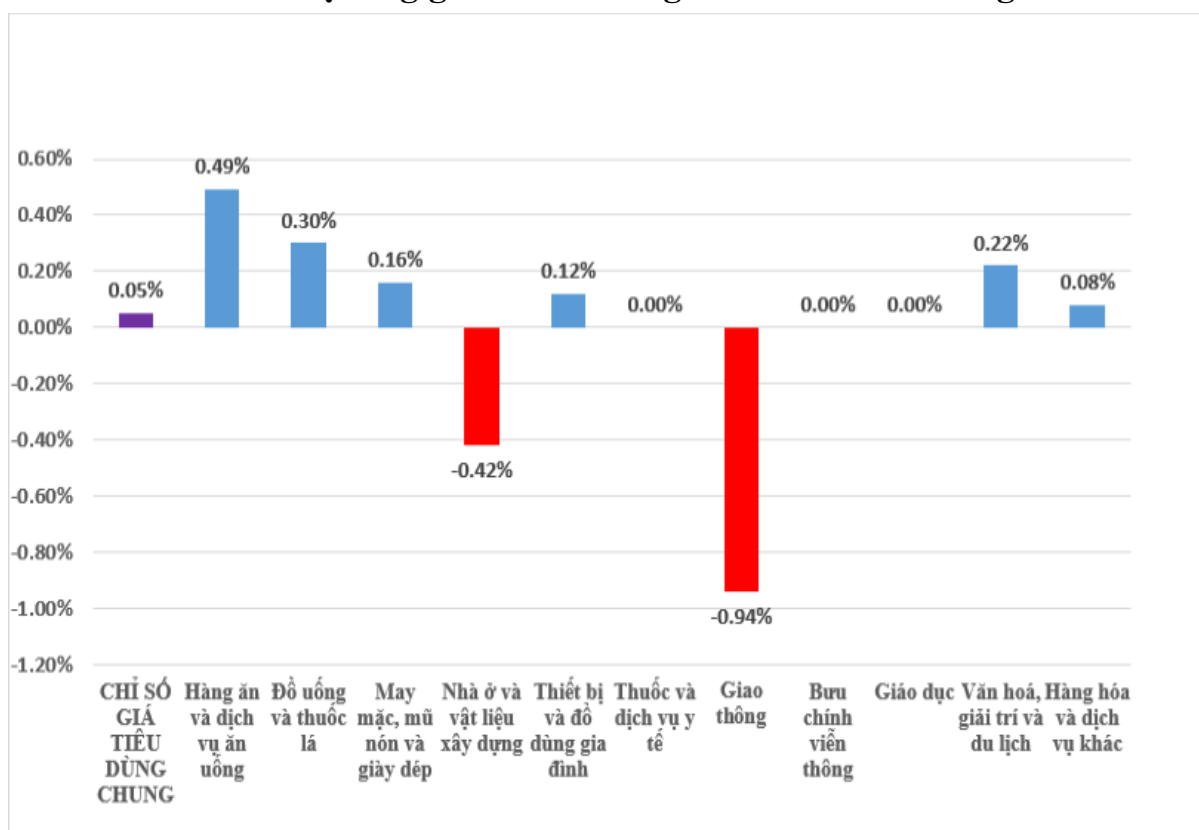
- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)

Giá tiêu dùng tháng 10 không có nhiều biến động. Ngoài một số mặt hàng lương thực, thực phẩm tăng giá như: Gạo, thịt lợn và một số mặt hàng thủy hải sản; còn lại một số mặt hàng thiết yếu giá giảm như: điện, nước, gas, xăng, dầu diesel,... Các yếu tố trên đã tác động đến Chỉ số giá tiêu dùng tháng 10 năm 2025 tăng 0,05% so với tháng trước, tăng 0,95% so với tháng 12 năm trước; tăng 2,79% so với tháng 10 năm trước; tính chung 10 tháng năm 2025 CPI tăng 4,23% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính có 6 nhóm hàng tăng giá, 2 nhóm hàng giảm giá và 3 nhóm hàng giá ổn định. Có 6 nhóm hàng tăng giá so với tháng trước đó là: Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,49%, tác động làm CPI

chung tăng 0,13 điểm phần trăm, do tháng này mưa bão nhiều, chi phí đầu vào tăng nên giá các mặt hàng thiết yếu tăng, cụ thể như: thịt lợn, thịt bò, cá, tôm hải sản giá bắt đầu tăng; nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,34%, tác động đến CPI chung tăng 0,01% điểm phần trăm; nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,16%, tác động đến CPI chung tăng 0,01 điểm phần trăm; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,12%, đóng góp tăng 0,01 điểm phần trăm vào mức tăng chung của CPI; nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,22% so với tháng trước, tác động đến CPI chung tăng 0,01 điểm phần trăm; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,08%. Có 2 nhóm hàng giảm giá so với tháng trước đó là: nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng giảm 0,42%, tác động đến CPI chung giảm 0,04 điểm phần trăm; nhóm giao thông giảm 0,94%, giảm chủ yếu do giá xăng dầu giảm, trong đó: giá xăng giảm 2,60%; giá dầu diesel giảm 0,55%, nhóm này đóng góp giảm 0,08 điểm phần trăm. Có 3 nhóm hàng chỉ số giá ổn định so với tháng trước đó là: nhóm thuốc và dịch vụ y tế, nhóm giáo dục và nhóm bưu chính viễn thông.

Hình 9. Tốc độ tăng/giảm CPI tháng 10/2025 so với tháng trước



- *Chỉ số giá vàng 99,99%*

Giá vàng bình quân tháng 10 là 14,166 triệu đồng/chỉ vàng 9999, tăng 8,54% so với tháng trước, tăng 250,82% so với kỳ gốc 2019, tăng 60,95% so với cùng kỳ, bình quân 10 tháng tăng 42,15% so với cùng kỳ.

- *Chỉ số giá đô la Mỹ (USD)*

Giá đô la Mỹ bình quân tháng 10 là 26.023 VNĐ/USD, giảm 0,09% so với tháng trước, tăng 13,71% so với kỳ gốc 2019, tăng 6,01% so với cùng kỳ, bình quân 10 tháng tăng 4,16% so với cùng kỳ.

5. Thu, chi ngân sách nhà nước, tín dụng

a) Thu, chi ngân sách Nhà nước

UBND tỉnh đã chỉ đạo quyết liệt triển khai các nhiệm vụ tài chính ngân sách năm 2025, yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục thực hiện đồng bộ giải pháp, biện pháp quản lý thu, chống thất thu ngân sách trên tất cả các lĩnh vực, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời khoản thu phát sinh theo quy định. Tổng thu ngân sách nhà nước 10 tháng năm 2025 trên địa bàn ước tính đạt 11.470,9 tỷ đồng, vượt 2,8% dự toán Trung ương và đạt 96,5% dự toán địa phương giao. Trong đó, thu cân đối ngân sách đạt 9.094,1 tỷ đồng, vượt 5,7% dự toán Trung ương và đạt 97,4% dự toán địa phương giao; Thu từ xuất nhập khẩu đạt 2.376,8 tỷ, đạt 93,2% dự toán Trung ương và địa phương giao.

Việc quản lý, điều hành chi ngân sách đảm bảo chặt chẽ; theo đúng dự toán được duyệt, tiết kiệm, hiệu quả, đúng chế độ quy định; quản lý tạm ứng vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước được tăng cường. Tổng chi ngân sách nhà nước trên địa bàn 10 tháng năm 2025 ước tính đạt 26.492,1 tỷ đồng, đạt 94,8% dự toán Trung ương và đạt 90,2% dự toán địa phương giao.

b) Tín dụng

Các tổ chức tín dụng tiếp tục đẩy mạnh triển khai các giải pháp điều tiết tỷ giá, lãi suất theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước nhằm đáp ứng nhu cầu vốn, giữ vững ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối, thị trường vàng. Ước tính đến 31/10/2025, tổng số vốn huy động của các tổ chức tín dụng đạt 135.263 tỷ đồng, tăng 17,3% so với đầu năm, tăng 1,5% so với tháng trước; tổng dư nợ cho vay đạt 165.185 tỷ đồng, tăng 11,0% so với đầu năm, tăng 1,1% so với tháng trước.

II. XÃ HỘI

1. Y tế

Đến nay, trên địa bàn tỉnh, 100% bệnh viện (31/31 đơn vị) đã triển khai hệ thống bệnh án điện tử, góp phần chuẩn hóa quy trình chuyên môn, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hồ sơ, nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, giảm thủ tục hành chính và tăng mức độ hài lòng của người dân. Trong công tác phòng, chống dịch bệnh, đặc biệt là các bệnh tả, tay - chân - miệng, sốt rét, sốt xuất huyết, ngành Y tế đã chủ động, đồng thời phối hợp với Viện Pasteur Nha Trang và Bệnh viện Bạch Mai nâng cao năng lực giám sát, xét nghiệm và phòng chống dịch. Các địa phương tiếp tục tăng cường giám sát, kiểm soát các dịch bệnh có nguy cơ bùng phát, đồng thời triển khai các kế hoạch củng cố hệ thống y tế dự phòng, trong đó có hoạt động tiêm vắc-xin uốn ván - bạch hầu trong chương trình tiêm chủng mở rộng và rà soát tiêm bù liều cho trẻ em tại các cơ sở giáo dục.

- Ngộ độc thực phẩm

Trong tháng, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 01 vụ ngộ độc thực phẩm tại xã Kim Ngân làm 41 người mắc, không có tử vong. Trong 10 tháng năm 2025, trên địa bàn toàn tỉnh xảy ra 03 vụ ngộ độc thực phẩm làm 77 người mắc, không có trường hợp tử vong.

- Tình hình nhiễm HIV/AIDS

Trong tháng, trên địa bàn tỉnh phát hiện 01 trường hợp nhiễm mới HIV, không có trường hợp tử vong. Tính chung 10 tháng, toàn tỉnh phát hiện 18 trường hợp nhiễm mới HIV, 05 trường hợp tử vong do HIV/AIDS. Tính đến thời điểm báo cáo, số người nhiễm HIV còn sống tại Quảng Trị là 601 người, số bệnh nhân tử vong do AIDS là 270 người.

- Tình hình bệnh truyền nhiễm

Trong tháng 10, trên địa bàn toàn tỉnh ghi nhận 209 ca mắc bệnh tiêu chảy, tăng 33,12% (+52 ca) so với cùng kỳ năm trước; 13 ca mắc bệnh lỵ trực trùng, giảm 13,33% (-02 ca); 13 ca viêm gan vi rút, tăng 116,67% (+07 ca); 02 ca lỵ Amíp, giảm 77,78% (-07 ca); 09 ca mắc bệnh quai bị, tăng 200% (+06 ca); 1.183 ca mắc cúm, tăng 57,73% (+433 ca); 29 ca mắc tay - chân - miệng, tăng 141,67% (+17 ca); 19 ca thủy đậu, giảm 84,17% (-101 ca).

Không ghi nhận ca mắc Adeno, COVID-19, ho gà và viêm não Nhật Bản. Riêng bệnh sốt xuất huyết, trong 10 tháng năm 2025 chỉ ghi nhận 792 ca, giảm 1.856 ca so với cùng kỳ năm trước.

Tình hình các bệnh truyền nhiễm trên địa bàn tỉnh đã được kiểm soát tốt, có xu hướng giảm so với cùng kỳ, không xuất hiện ổ dịch lớn. Một số bệnh như tiêu chảy, cúm, tay - chân - miệng và quai bị có số ca mắc tăng nhẹ nhưng vẫn được kiểm soát. Đáng chú ý, bệnh sốt xuất huyết giảm mạnh, trong khi COVID-19, ho gà và viêm não Nhật Bản không ghi nhận ca mắc. Công tác phòng, chống dịch bệnh được duy trì thường xuyên, hiệu quả, góp phần ổn định tình hình y tế trên địa bàn.

2. Giáo dục, đào tạo

Trong tháng 10, ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Trị đã triển khai thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ và đạt được những kết quả tích cực như: Thực hiện tuyên truyền chào mừng Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030; tuyên truyền hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia và Ngày Chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị năm 2025, cùng với các hoạt động kỷ niệm Ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10; tổ chức ký kết Chương trình phối hợp hoạt động năm học 2025 - 2026 với Tỉnh Đoàn Quảng Trị, đồng thời tổ chức Hội nghị Hội đồng chuyên môn cấp tiểu học; tổ chức Hội nghị triển khai nhiệm vụ Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên năm học 2025 - 2026; Hội nghị tập huấn triển khai phân cấp quản lý nhà nước về giáo dục khi thực hiện chính quyền địa phương hai cấp; Hội nghị hướng dẫn công tác xét tặng danh hiệu “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú” lần thứ 17 năm 2026.

Ngoài ra, Sở Giáo dục và Đào tạo đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn quan trọng như: hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày; hướng dẫn tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cơ sở giáo dục phổ thông; hướng dẫn xây dựng khung ma trận và khung bản đặc tả đề kiểm tra định kỳ cấp THCS, THPT.

Xác định rõ vai trò đặc biệt quan trọng của giáo dục mầm non, đây là “giai đoạn vàng” để giáo dục và tạo nền tảng cho sự phát triển toàn diện của trẻ trong tương lai, ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Trị luôn nỗ lực xây dựng một môi trường học tập an toàn, bình đẳng và chất lượng. Bên cạnh đó, cũng triển khai nhiều giải pháp hỗ trợ trẻ em dân tộc thiểu số vượt qua rào cản ngôn ngữ, thúc đẩy giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật và lan tỏa mô hình “Trường học hạnh phúc”. Thực hiện mục tiêu “lấy trẻ làm trung tâm”, tạo cơ hội học tập, vui chơi, phát triển toàn diện cho trẻ. Nhiều giải pháp đồng bộ được triển khai nhằm tăng cường tiếng Việt cho 100% trẻ dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1. Các trường học linh hoạt lồng ghép tiếng Việt vào hoạt động hằng ngày, giúp trẻ tiếp thu ngôn ngữ một cách tự nhiên và hiệu quả. Bên cạnh đó, công tác giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật cũng rất được quan tâm.

Đối với bếp ăn tập thể trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn, Ban Chỉ đạo liên ngành An toàn thực phẩm tỉnh Quảng Trị vừa ban hành Kế hoạch tăng cường kiểm soát an toàn thực phẩm nhằm đẩy mạnh công tác quản lý, chủ động phát hiện và ngăn ngừa nguy cơ ô nhiễm thực phẩm, phòng chống ngộ độc và các bệnh truyền qua thực phẩm trong trường học. Đây được xem là biện pháp quan trọng nhằm chấn chỉnh công tác an toàn thực phẩm tại bếp ăn trường học, bảo vệ sức khỏe học sinh, tạo môi trường học đường an toàn, lành mạnh, giúp các em yên tâm học tập, rèn luyện tốt.

3. Hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao

a) Hoạt động văn hóa

Trong tháng 10, các hoạt động cổ động, tuyên truyền, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao được đẩy mạnh, hướng tới chào mừng Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030. Nhiều chương trình trưng bày, triển lãm, cổ động trực quan, biểu diễn văn nghệ, thi đấu thể thao quần chúng được tổ chức phong phú, sôi nổi, tạo không khí thi đua rộng khắp, lan tỏa sâu rộng trong Nhân dân. Các hoạt động này không chỉ góp phần tuyên truyền, quảng bá hình ảnh một Quảng Trị năng động, đoàn kết, giàu bản sắc, mà còn nâng cao đời sống văn hóa tinh thần, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, cổ vũ phong trào thi đua lập thành tích chào mừng sự kiện chính trị trọng đại của tỉnh.

b) Hoạt động thể dục, thể thao

Tổ chức thành công Giải Karate trong khuôn khổ Đại hội Thể dục thể thao tỉnh lần thứ I năm 2025. Đến nay, toàn tỉnh có 52/78 xã, phường, đặc khu ban hành văn bản triển khai công tác tổ chức Đại hội Thể dục thể thao cấp cơ sở, bảo đảm đúng tiến độ và hướng dẫn của tỉnh.

Tổ chức triển khai “Tháng Hoạt động Thể dục Thể thao cho mọi người” và “Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân”, nhằm khuyến khích Nhân dân tham gia rèn luyện thân thể, góp phần nâng cao sức khỏe cộng đồng và phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng.

Tiếp tục khẳng định vị thế của thể thao Quảng Trị trên đấu trường quốc gia, các đội tuyển thể thao của tỉnh tham gia đã đạt thành tích cao: 06 giải quốc gia, 13 huy chương (06 HCV, 02 HCB và 05 HCD).

4. Tình hình trật tự an toàn xã hội

- An toàn giao thông

Tháng 10 (từ ngày 15/9/2025 đến ngày 14/10/2025), trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 30 vụ tai nạn giao thông, làm 21 người chết, 32 người bị thương. So với cùng kỳ năm trước số vụ tai nạn tăng 7,14% (+02 vụ), số người chết tăng 23,53% (+04 người), số người bị thương tăng 128,57% (+18 người). Tất cả các vụ tai nạn giao thông đều xảy ra trên đường bộ. Lũy kế 10 tháng năm 2025, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 265 vụ tai nạn giao thông, làm 171 người chết, 188 người bị thương. So với cùng kỳ năm trước số vụ tai nạn giảm 24,07% (-84 vụ), số người chết giảm 7,57% (-14 người), số người bị thương giảm 23,89% (-59 người). Trong các vụ tai nạn xảy ra có 262 vụ tai nạn xảy ra trên đường bộ, 02 vụ đường sắt và 01 vụ đường thủy (*theo số liệu của Ban An toàn giao thông tỉnh*).

- Tình hình cháy nổ

Trong tháng xảy ra 03 vụ cháy (không có cháy rừng), không có thiệt hại về người, thiệt hại về tài sản ước tính 45 triệu đồng (trong đó có 02 vụ đang điều tra làm rõ nguyên nhân và chưa thống kê được thiệt hại). So với cùng kỳ năm trước, số vụ cháy tăng 03 vụ. Lũy kế 10 tháng năm 2025, toàn tỉnh đã xảy ra 21 vụ cháy (Trong đó có 05 vụ cháy rừng, thiệt hại 9,5 ha), tổng giá trị thiệt hại ước tính khoảng 644,94 triệu đồng, không có thiệt hại về người (*theo số liệu của Công an tỉnh*).

- Tình hình thiên tai

Trong tháng 10, trên địa bàn tỉnh xảy ra 01 vụ thiên tai do bão số 10 (tên quốc tế: *Bualoi*). Từ chiều ngày 28/9/2025, bão đã ảnh hưởng trực tiếp đến tỉnh Quảng Trị, đặc biệt là khu vực phía Bắc của tỉnh. Nhiều nơi ghi nhận gió mạnh cấp 9 - 10, giật cấp 12 - 13, kèm theo mưa lớn diện rộng, mực nước các sông dâng cao gây ngập lụt, chia cắt cục bộ tại nhiều khu vực. Bão đã gây thiệt hại nghiêm trọng về người, tài sản và tình hình sản xuất.

+ Về người: 05 người chết (trong đó có 04 thuyền viên ngoại tỉnh), 07 người mất tích (thuyền viên ngoại tỉnh) và 25 người bị thương.

+ Về nhà ở: Có 5.094 ngôi nhà bị hư hại, tốc mái. Trong đó, 11 nhà bị sập, hư hỏng nặng trên 70%; 116 nhà hư hỏng, tốc mái từ 50 - 70%; 377 nhà thiệt hại từ 30 - dưới 50%; 4.590 nhà bị tốc mái dưới 30%.

Cùng với nhiều thiệt hại trong trồng trọt, chăn nuôi cơ sở hạ tầng, cây xanh và sản xuất, tổng giá trị thiệt hại ước tính khoảng 550 tỷ đồng.

5. Tình hình nổi bật khác về xã hội

Trong tháng 10, tình hình đời sống dân cư trên địa bàn tỉnh ổn định, an sinh xã hội được đảm bảo, thu nhập của người lao động duy trì ổn định.

Tỉnh tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững; chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn; chú trọng đào tạo nghề cho lao động gắn với đề án giảm nghèo bền vững, đào tạo nghề cho người khuyết tật ở miền núi, giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động; triển khai nhiều giải pháp thiết thực, giúp người dân tiếp cận, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới trong sản xuất, kinh doanh, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ an sinh xã hội cho các đối tượng chính sách, hộ nghèo, cận nghèo, góp phần ổn định đời sống của người dân.

Quảng Trị là một trong những địa phương ở miền Trung chịu nhiều ảnh hưởng của thiên tai, đặc biệt là mưa bão, lũ lụt. Nhằm chia sẻ, động viên người dân bị ảnh hưởng bởi cơn bão số 10 xảy ra vào cuối tháng 9 vừa rồi, tỉnh đã tổ chức trao tiền, bộ dụng cụ sửa nhà cho người dân với số tiền 200 triệu đồng tiền mặt, 497 bộ dụng cụ sửa chữa nhà trị giá hơn 768 triệu đồng, từ nguồn hỗ trợ của Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, góp phần giúp người dân sớm khắc phục hậu quả và ổn định cuộc sống.

Nhân kỷ niệm 95 năm Ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (20/10/1930 - 20/10/2025), các cấp công đoàn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đã tổ chức nhiều hoạt động sôi nổi và ý nghĩa như tọa đàm, chăm lo đoàn viên công đoàn, lao động nữ có hoàn cảnh khó khăn; tổ chức “Bữa cơm công đoàn”; giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao,... tạo không khí phấn khởi, cổ vũ phong trào thi đua yêu nước trong nữ công nhân, viên chức, lao động./.

Nơi nhận:

- Ban Thống kê Tổng hợp và Đối ngoại;
- Đ/c Bí thư, các Phó Bí thư Tỉnh ủy;
- Đ/c Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đ/c Phó CT HĐND tỉnh;
- Chánh VP, Phòng Tổng hợp Tỉnh ủy;
- VP Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh, VP UBND tỉnh;
- Chánh VP UBND tỉnh;
- Phòng KTTH, VP UBND tỉnh;
- Ban KTNS; Ban VH-XH HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành liên quan;
- Lãnh đạo Thống kê tỉnh;
- Các Phòng nghiệp vụ thuộc Thống kê tỉnh;
- Các Thống kê cơ sở thuộc Thống kê tỉnh;
- Lưu: VT, TKTH.

Q. TRƯỞNG THỐNG KÊ

Trần Đình Hải